

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CQT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101107 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671010814	36CQT2	Tr ầ ng Ph ầ c ầ An	16/10/1994				5.0	5.5		5.3	1.6	9.0	6.3	7.9	
2	3671010869	36CQT2	Ph ầ m Ng ầ c Tr ầ m ầ Anh	06/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
3	3671011991	36CQT2	Hu ầ nh Th ầ Thu ầ Bích	10/10/1994				4.0	6.5		5.3	1.6	8.0	5.6	7.2	
4	3671011857	36CQT2	Nguy ầ n Tr ầ C ầ ng	24/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671011684	36CQT2	Phan Th ầ B ầ ch ầ Chi	21/12/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	10.0	7.0	8.2	
6	3671011224	36CQT2	Nguy ầ n Th ầ Di ầ m	24/02/1993				3.0	3.5		3.3	1.0	6.0	4.2	5.2	
7	3671010614	36CQT2	Nguy ầ n Th ầ Ng ầ c ầ Di ầ m	21/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671011077	36CQT2	Nguy ầ n Th ầ ầ i	30/05/1994				2.5	3.0		2.8	0.8	2.0	1.4	2.2	
9	3671011833	36CQT2	V ầ ầ Ho ầ ng ầ ầ t	09/02/1994				4.5	5.5		5.0	1.5	10.0	7.0	8.5	
10	3671011143	36CQT2	V ầ ầ ầ Ng ầ Th ầ nh ầ ầ t	10/01/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	8.0	5.6	6.9	
11	3671011302	36CQT2	Phan Th ầ ầ ng	20/11/1993				5.3	4.0		4.7	1.4	6.0	4.2	5.6	
12	3671010669	36CQT2	B ầ i Nguy ầ n Di ầ m ầ Hà	08/09/1988				9.5	10.0		9.8	2.9	9.5	6.7	9.6	
13	3671011163	36CQT2	L ầ Th ầ H ầ nh	28/02/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	8.5	6.0	7.2	
14	3671011070	36CQT2	Ph ầ m Th ầ Thanh ầ Hoa	22/12/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	10.0	7.0	8.5	
15	3671010696	36CQT2	Ph ầ ng Ki ầ n ầ Hoa	03/07/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
16	3671010829	36CQT2	Nguy ầ n Th ầ Ho ầ ng	09/01/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3671010989	36CQT2	L ầ V ầ nh ầ Hòa	20/12/1993				3.0	4.5		3.8	1.1	5.0	3.5	4.6	
18	3671011008	36CQT2	Nguy ầ n ầ c ầ Huy	12/01/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3671011306	36CQT2	Ph ầ m V ầ nh ầ Huynh	27/04/1994				3.5	4.0		3.8	1.1	6.0	4.2	5.3	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CQT2 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101107 - Quy ho ch tuy n t ãnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671010820	36CQT2	Ngô Thanh	Hùng	27/09/1994				3.0	4.5		3.8	1.1	4.0	2.8	3.9	
21	3671010944	36CQT2	Bùi Thanh	H ng	21/04/1994				2.5	3.0		2.8	0.8	1.0	0.7	1.5	
22	3671010819	36CQT2	T» Th Thu	H ng	27/07/1994				3.6	3.0		3.3	1.0	6.0	4.2	5.2	
23	3671011225	36CQT2	Nguy n Th Th ¾y	Ki u	30/07/1994				5.3	6.0		5.7	1.7	9.0	6.3	8.0	
24	3671010689	36CQT2	D ng Th H ng	Lê	19/09/1993				9.0	8.5		8.8	2.6	7.8	5.5	8.1	
25	3671010797	36CQT2	Huunh Th Kim	L	06/05/1994				6.8	4.0		5.4	1.6	6.5	4.6	6.2	
26	3671010679	36CQT2	L² Th C m	Loan	05/01/1994				4.5	6.0		5.3	1.6	5.5	3.9	5.4	
27	3671011066	36CQT2	Tr n Th Thanh	Loan	04/02/1994				3.0	5.5		4.3	1.3	7.0	4.9	6.2	
28	3671010738	36CQT2	Lê Phú	L c	23/09/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	
29	3671010918	36CQT2	T»n Th Xu³ n	Ly	01/08/1994				3.5	4.5		4.0	1.2	8.5	6.0	7.2	
30	3671010639	36CQT2	Nguy n Minh	M n	31/03/1994				3.0	5.5		4.3	1.3	7.0	4.9	6.2	
31	3671010963	36CQT2	Nguy n Th ãi	M n	11/03/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
32	3671011599	36CQT2	Lĩ Th c	My	07/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
33	3671011275	36CQT2	Ph m Th Tuy t	Nga	05/08/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	10.0	7.0	9.6	
34	3671011116	36CQT2	Huunh B u	Nghi	08/01/1994				8.3	7.5		7.9	2.4	6.0	4.2	6.6	
35	3671010855	36CQT2	Ho ²ng Tr ng	Ngh ²a	22/02/1994				3.0	0.0		1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	
36	3671011057	36CQT2	Ph m Th ãi Ng c	Nguyễn	15/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
37	3671012020	36CQT2	Nguy n Ng c	Nh t	16/10/1993				2.5	2.0		2.3	0.7	3.0	2.1	2.8	
38	3671011019	36CQT2	H Ti u	Nhi	06/06/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CQT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101107 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671011292	36CQT2	Tr n Th Uy n Nhi	21/02/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	9.5	6.7	9.7	
40	3671011048	36CQT2	Nguy n Th H ng Nhung	16/04/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
41	3671010816	36CQT2	Nguy n ấ c Phát	09/06/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
42	3671010964	36CQT2	Tr n Thanh Phong	12/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
43	3671010905	36CQT2	V ng T ấ Ph ng	15/09/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	7.0	4.9	6.2	
44	3671010750	36CQT2	L ² Th Ph ng	10/10/1994				6.0	5.5		5.8	1.7	8.5	6.0	7.7	
45	3671011009	36CQT2	Nguy n Th Ph ng	07/07/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
46	3671010751	36CQT2	Hu nh Th Kim Quy ầ	01/06/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	8.5	6.0	7.3	
47	3671011470	36CQT2	Nguy n Th ầ Tài	30/08/1994				2.5	2.0		2.3	0.7	3.0	2.1	2.8	
48	3671010621	36CQT2	L ng Ng c Tâm	23/01/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	N HP
49	3671010682	36CQT2	ấ ng Ph ng Tân	11/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
50	3671010953	36CQT2	Tr n H Tín	02/12/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	9.5	6.7	7.9	
51	3671010990	36CQT2	Hu nh D ầ Tu n	17/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671011928	36CQT2	Tr n Qu c Tu n	01/06/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	N HP
53	3671010865	36CQT2	Nguy n Tr ng Th nh	22/12/1994				2.5	2.5		2.5	0.8	6.0	4.2	5.0	
54	3671011156	36CQT2	B ầ i Ti n Th nh	09/10/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
55	3671011007	36CQT2	ấ L ^a m Tr ấ Th	17/03/1991				4.5	3.0		3.8	1.1	6.0	4.2	5.3	
56	3671011159	36CQT2	B ầ i Th Thanh Thúy	18/05/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	
57	3671010815	36CQT2	Nguy n Th Trang	11/12/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	6.5	4.6	5.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CQT2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122067101107 - Quy ho ch tuy n t nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671011853	36CQT2	L ² Th Linh	Trân	20/03/1994				3.5	4.0		3.8	1.1	7.5	5.3	6.4	
59	3671010945	36CQT2	L ² Th L	Trinh	16/09/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
60	3671010992	36CQT2	ñ ng Phan T @	Trí	10/09/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	7.5	5.3	6.3	
61	3671011094	36CQT2	Nguy n Ng c	Trung	25/12/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
62	3671011065	36CQT2	Nguy n Thanh	Trúc	16/10/1994				8.0	8.5		8.3	2.5	8.8	6.2	8.6	
63	3671011527	36CQT2	Nguy n Xu ^a n	Vinh	28/08/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
64	3671010709	36CQT2	ñ ng Th Thu	Y n	08/04/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	6.0	4.2	5.3	
65	3671010740	36CQT2	Tr n Th Phi	Y n	27/04/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	

T ng s : 65 h c sinh sinh vi² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi o Vi² n B M » n Gi o V Khoa